



Phụ lục XV

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ XE CẢI TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01. Biên bản kiểm tra xuất xưởng xe cải tạo

(CƠ SỞ CẢI TẠO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN KIỂM TRA XUẤT XƯỞNG ...⁽¹⁾... CẢI TẠO

Biên số xe:

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ hiệu của (cơ sở thiết kế).

Hôm nay ngày ... tháng ... năm ... tại (tên cơ sở cải tạo, địa chỉ) chúng tôi tiến hành kiểm tra xuất xưởng xe cải tạo với những nội dung như sau:

1. Thành phần kiểm tra xuất xưởng xe cải tạo

- Lãnh đạo cơ sở cải tạo:
- Kỹ thuật viên⁽²⁾:
- Chủ xe hoặc người được ủy quyền:
- Số điện thoại:; - Email:
- Số CC/CCCD/hộ chiếu:

2. Đặc điểm xe cải tạo:

STT	Đặc điểm xe cải tạo	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Loại phương tiện		
2	Nhãn hiệu / Mã kiểu loại		
3	Số khung		
4	Số động cơ		

3. Nội dung cải tạo

.....

.....

4. Thông số kỹ thuật cơ bản trước và sau cải tạo

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
2	Kích thước lòng thùng hàng/ bao xi téc (dài x rộng x cao)	mm		

3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kg		
6	Số người cho phép chở (không kể chỗ của người lái xe)	người		
7	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất	kg		
8	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất	kg		
...	Các thông số kỹ thuật khác của xe có thay đổi sau cải tạo			

5. Kiểm tra, đối chiếu xe và các hạng mục cải tạo của xe với hồ sơ thiết kế:

TT	Các hạng mục kiểm tra (*)	Yêu cầu theo thiết kế/ tài liệu kỹ thuật(**)	Kết quả kiểm tra thực tế(***)
1			
.....			

6. Kết luận chung

Xe cải tạo đã được kiểm tra xuất xưởng và đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Biên bản này đã được các bên tham gia thống nhất thông qua và được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau; 01 (một) bản lưu tại cơ sở cải tạo, 01 (một) bản giao cho chủ xe hoặc người được ủy quyền.

**Chủ xe hoặc người
được ủy quyền**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Kỹ thuật viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo cơ sở cải tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(*) Nêu rõ các hạng mục kiểm tra liên quan dẫn đến thay đổi của xe sau cải tạo so với xe trước cải tạo.

(**) Nêu nội dung tương ứng trong hồ sơ thiết kế (bao gồm thuyết minh và/hoặc bản vẽ/tài liệu kỹ thuật);

(***) Ghi kết quả kiểm tra.

⁽¹⁾ Tên loại xe được thực hiện kiểm tra, đánh giá xuất xưởng cải tạo bao gồm xe cơ giới hoặc xe máy chuyên dùng hoặc xe mô tô, xe gắn máy.

⁽²⁾ Ghi rõ họ và tên kỹ thuật viên được phân công thực hiện kiểm tra, đánh giá, trường hợp có nhiều kỹ thuật viên tham gia kiểm tra, đánh giá xe cải tạo thì phải ghi đủ họ và tên các thành viên và cùng ký, ghi rõ họ tên phía dưới (Lãnh đạo của cơ sở cải tạo không được ký với vai trò là kỹ thuật viên kiểm tra, đánh giá xe cải tạo).

Mẫu số 02. Biên bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế xe cải tạo
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Số:⁽¹⁾.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THIẾT KẾ ...⁽²⁾... CẢI TẠO
Biên số xe:

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị chứng nhận cải tạo số: ngày

Ngày ... tháng ... năm ... tại (tên cơ sở đăng kiểm, địa chỉ), tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế xe cải tạo như sau:

1. Thông tin chung:

- Nhân hiệu / Mã kiểu loại:
- Ký hiệu thiết kế:
- Cơ sở thiết kế:
- Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm ⁽³⁾:
- Đăng kiểm viên ⁽⁴⁾:

2. Đặc điểm xe cải tạo:

STT	Đặc điểm xe cải tạo	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Loại phương tiện		
2	Nhân hiệu / Mã kiểu loại		
3	Số động cơ		
4	Số khung		

3. Nội dung cải tạo

.....

4. Thông số kỹ thuật cơ bản của xe trước và sau cải tạo

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
2	Kích thước lòng thùng hàng/ bao xi téc (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kg		
6	Số người cho phép chở (không kể chỗ của người lái xe)	người		

7	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất	kg		
8	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất	kg		
...	<i>Các thông số kỹ thuật khác của xe có thay đổi sau cải tạo</i>			

5. Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế phù hợp với quy định về nội dung hồ sơ thiết kế (Phụ lục XIV ban hành kèm theo thông tư này) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng:

TT	Các hạng mục kiểm tra, đánh giá ^(*)	Yêu cầu về nội dung HSTK (Phụ lục XIV) / Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	Hồ sơ thiết kế ^(**)	Kết luận ^(***)	
				Đạt	KĐ
1					
.....					

6. Nội dung không đạt (nếu có)⁽⁵⁾

.....

7. Kết luận chung⁽⁶⁾: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lưu cùng với hồ sơ chứng nhận xe cải tạo.

Đăng kiểm viên⁽⁴⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm⁽³⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(*) *Nêu rõ các hạng mục quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo thông tư này, các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng liên quan tới nội dung cải tạo.*

(**) *Nêu nội dung tương ứng trong hồ sơ thiết kế (bao gồm thuyết minh và/hoặc bản vẽ).*

(***) *Tích dấu “√” vào ô “Đạt” nếu hạng mục trong hồ sơ thiết kế phù hợp với quy định tương ứng tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo thông tư này; giá trị ghi trong hồ sơ thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Trường hợp không đạt yêu cầu thì tích dấu “√” vào ô “KĐ” và ghi rõ hạng mục không đạt vào mục 6.*

(1) *Số biên bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế xe cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm-số thứ tự/năm/ký hiệu loại xe cải tạo; ký hiệu loại xe cải tạo (ĐGTKXCG - xe cơ giới trừ xe mô tô, xe gắn máy; ĐGTKXMD - xe máy chuyên dùng; ĐGTKXMM - xe mô tô, xe gắn máy); ví dụ: đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), số biên bản là 2906V-0018/2026/ĐGTKXCG.*

(2) *Tên loại xe được thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cải tạo bao gồm: xe cơ giới hoặc xe máy chuyên dùng hoặc xe mô tô, xe gắn máy.*

(3) *Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm là lãnh đạo ký giấy chứng nhận kiểm định.*

(4) *Đăng kiểm viên kiểm tra, đánh giá HSTK (có chứng chỉ thực hiện công việc chuyên môn chứng nhận xe cải tạo), trường hợp có từ hai đăng kiểm viên trở lên tham gia kiểm tra, đánh giá thì phải ghi đầy đủ họ và tên của từng đăng kiểm viên và cùng ký vào biên bản (Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm không được ký với vai trò là đăng kiểm viên kiểm tra, đánh giá).*

(5) *Nội dung không đạt (nếu có): trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt, cơ sở đăng kiểm phải ghi rõ hạng mục không đạt theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo thông tư này, theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.*

(6) *Kết luận chung: tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng.*

Mẫu số 03. Biên bản kiểm tra, đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cải tạo

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽¹⁾.....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ...⁽²⁾... CẢI TẠO**

Biển số xe:

Căn cứ Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị chứng nhận cải tạo số: ngày

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế xe cải tạo số: ngày

Hôm nay ngày ... tháng ... năm ... tại (tên cơ sở đăng kiểm, địa chỉ), chúng tôi đã tiến hành kiểm tra, đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cải tạo như sau:

1. Thành phần tham gia kiểm tra, đánh giá:

a) Cơ sở đăng kiểm

- Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm ⁽³⁾:

- Đăng kiểm viên ⁽⁴⁾:

b) Chủ xe hoặc người được ủy quyền:

- Số điện thoại:; - Email:

- Số CC/CCCD/hộ chiếu:

2. Đặc điểm xe cải tạo:

STT	Đặc điểm xe cải tạo	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Loại phương tiện		
2	Nhãn hiệu / Mã kiểu loại		
3	Số động cơ		
4	Số khung		

3. Nội dung cải tạo

.....

.....

4. Thông số kỹ thuật cơ bản trước và sau cải tạo

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		

2	Kích thước lòng thùng hàng/ bao xi téc (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kg		
6	Số người cho phép chở (không kể chỗ của người lái xe)	người		
7	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất	kg		
8	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất	kg		
...	<i>Các thông số kỹ thuật khác của xe có thay đổi sau cải tạo</i>			

5. Kiểm tra, đối chiếu xe và các hạng mục cải tạo của xe với hồ sơ thiết kế và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (đối với trường hợp không có hồ sơ thiết kế)

TT	Các hạng mục kiểm tra (*)	Yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (đối với trường hợp không có hồ sơ thiết kế)	Yêu cầu theo thiết kế/ tài liệu kỹ thuật(**)	Kết quả kiểm tra thực tế(***)	Kết luận (****)	
					Đạt	KĐ
1						
.....						

6. Kiểm tra, đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường⁽⁵⁾

7. Nội dung không đạt (nếu có)⁽⁶⁾

8. Kết luận chung⁽⁷⁾:

☐ Đạt yêu cầu

☐ Không đạt yêu cầu

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 02 bản giao cho chủ xe hoặc người được ủy quyền.

**Chủ xe hoặc người
được ủy quyền**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng kiểm viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo cơ sở
đăng kiểm**
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(*) *Nêu rõ các hạng mục kiểm tra liên quan dẫn đến thay đổi của xe sau cải tạo so với xe trước cải tạo.*

(**) *Nêu nội dung tương ứng trong hồ sơ thiết kế (bao gồm thuyết minh và/hoặc bản vẽ/tài liệu kỹ thuật).*

(***) *Ghi kết quả kiểm tra.*

(****) *Tích dấu “√” vào ô “Đạt” nếu giá trị kiểm tra xe thực tế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và với hồ sơ thiết kế; trường hợp không đạt yêu cầu thì tích dấu “√” vào ô “KĐ” và ghi rõ hạng mục không đạt vào mục 7.*

(1) *Số biên bản kiểm tra, đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm-số thứ tự/năm/ký hiệu loại xe cải tạo; ký hiệu loại xe cải tạo (KTXCG - xe cơ giới trừ xe mô tô, xe gắn máy; KTXMD - xe máy chuyên dùng; KTXMM - xe mô tô, xe gắn máy); ví dụ: đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy); 2906V-0018/2026/KTXCG.*

(2) *Tên loại xe được thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cải tạo bao gồm: xe cơ giới hoặc xe máy chuyên dùng hoặc xe mô tô, xe gắn máy.*

(3) *Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm là lãnh đạo ký giấy chứng nhận kiểm định.*

(4) *Đăng kiểm viên chứng nhận cải tạo (có chứng chỉ thực hiện công việc chuyên môn chứng nhận xe cải tạo), trường hợp có từ hai đăng kiểm viên trở lên tham gia kiểm tra, đánh giá thì phải ghi đầy đủ họ và tên của từng đăng kiểm viên và cùng ký vào biên bản (Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm không được ký với vai trò là đăng kiểm viên kiểm tra, đánh giá).*

(5) *Kết quả kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo yêu cầu kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, kèm theo các kết quả kiểm tra, giá trị tính toán đối với trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư này.*

(6) *Nội dung không đạt (nếu có): trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt, cơ sở đăng kiểm phải ghi rõ hạng mục không đạt theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật/tài liệu.*

(7) *Kết luận chung: tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng.*

Mẫu số 04. Biên bản kiểm tra, đánh giá xe có sự thay đổi nhưng không coi là cải tạo

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽¹⁾.....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ XE CƠ GIỚI
CÓ SỰ THAY ĐỔI NHƯNG KHÔNG COI LÀ CẢI TẠO**

Căn cứ Thông tư số ... /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Hôm nay ngày ... tháng ... năm ... tại (tên cơ sở đăng kiểm, địa chỉ), chúng tôi đã tiến hành kiểm tra, đánh giá xe cơ giới có sự thay đổi nhưng không coi là cải tạo như sau:

1. Thành phần tham gia kiểm tra, đánh giá:

a) Cơ sở đăng kiểm

- Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm ⁽²⁾:

- Đăng kiểm viên ⁽³⁾:

b) Người nộp hồ sơ:

- Số điện thoại:; - Email:

- Số CC/CCCD/hộ chiếu:

2. Đặc điểm xe:

Biển số xe:	Loại phương tiện:
Số khung:	Số động cơ:

3. Nội dung thay đổi ⁽⁷⁾:

.....
.....

4. Thông số kỹ thuật của xe trước và sau thay đổi

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trước thay đổi (danh định ⁽⁸⁾)	Sau thay đổi	Kết quả kiểm tra (Đạt/không đạt)
1	Kích thước bao của xe (dài x rộng x cao)	mm			⁽⁹⁾
2	Kích thước lòng thùng hàng / kích thước bao xi téc	mm			⁽⁹⁾
3	Khối lượng bản thân	kg			⁽¹⁰⁾

5. Kiểm tra, đối chiếu nội dung thay đổi với tài liệu kỹ thuật; kiểm tra, đánh giá các hạng mục thay đổi của xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng⁽⁴⁾

TT	Các hạng mục kiểm tra ⁽¹¹⁾	Yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	Yêu cầu theo tài liệu kỹ thuật ⁽¹²⁾	Kết quả kiểm tra thực tế ⁽¹³⁾	Kết luận ⁽¹⁴⁾	
					Đạt	KĐ
1						
.....						

6. Nội dung không đạt (nếu có)⁽⁵⁾

.....

.....

7. Kết luận chung⁽⁶⁾: ☐ Đạt yêu cầu; ☐ Không đạt yêu cầu.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm, 01 bản giao cho người nộp hồ sơ.

Người nộp hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng kiểm viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo cơ sở
đăng kiểm**
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Số biên bản kiểm tra, đánh giá xe có sự thay đổi nhưng không coi là cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm-số thứ tự/năm/KCT (ví dụ: 2906V- 00018/2026/KCT).

(2) Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm là lãnh đạo ký giấy chứng nhận kiểm định.

(3) Đăng kiểm viên chứng nhận cải tạo (có chứng chỉ thực hiện công việc chuyên môn chứng nhận xe cải tạo), trường hợp có từ hai đăng kiểm viên trở lên tham gia kiểm tra, đánh giá thì phải ghi đầy đủ họ và tên của từng đăng kiểm viên và cùng ký vào biên bản (Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm không được ký với vai trò là đăng kiểm viên kiểm tra, đánh giá).

(4) Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới.

(5) Nội dung không đạt (nếu có): ghi rõ nội dung, hướng khắc phục.

(6) Kết luận chung: tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng.

(7) Nêu rõ các thay đổi.

(8) Thông số kỹ thuật danh định của xe là thông số kỹ thuật của nhà sản xuất được ghi nhận trong chứng nhận sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu.

(9) Ghi “Đạt” trong trường hợp kết quả kiểm tra xe thực tế đáp ứng quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 6 Mục I Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

(10) Ghi “Đạt” trong trường hợp kết quả kiểm tra khối lượng bản thân xe thực tế có sai khác so với khối lượng bản thân danh định của xe trước thay đổi không được vượt quá sai số cho phép được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng của xe cơ giới.

(11) Nêu rõ các hạng mục kiểm tra, đánh giá theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng liên quan đến nội dung thay đổi (ví dụ: kiểm tra tình trạng lắp đặt body-kit, giá nóc của ô tô con...).

(12) Nêu nội dung tương ứng trong tài liệu kỹ thuật.

(13) Ghi kết quả kiểm tra.

(14) Tích dấu “√” vào ô “Đạt” nếu giá trị kiểm tra xe thực tế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và với tài liệu kỹ thuật; trường hợp không đạt yêu cầu thì tích dấu “√” vào ô “KĐ” và ghi rõ hạng mục không đạt vào mục 6.